

TIÊU ĐIỂM LUẬT

Cập nhật những thay đổi pháp lý quan trọng hàng tháng có ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư và kinh doanh tại Việt Nam. Truy cập Trung tâm Tư liệu của chúng tôi để theo dõi những cập nhật pháp lý mới nhất và tin tức từ LNT & Partners.

Nghị định 283/2026/NĐ-CP: Những thay đổi quan trọng về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, việc làm, có hiệu lực từ ngày 10/9/2026

Lê Kim Ngân – Cộng sự Cao cấp

Ngày 15/7/2026, Chính phủ ban hành Nghị định 283/2026/NĐ-CP ("**Nghị định 283**"), thay thế Nghị định 12/2022/NĐ-CP ("**Nghị định 12**") về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Nghị định 283 có hiệu lực từ ngày 10/9/2026.

Mặc dù Nghị định 283 kế thừa phần lớn khung xử phạt hiện hành, Nghị định này đồng thời điều chỉnh một số mức phạt và đưa ra một số thay đổi đáng kể nhằm đồng bộ cơ chế xử phạt với các cải cách pháp luật gần đây, bao gồm Luật Việc làm 2025, Luật Bảo hiểm xã hội 2024 và Nghị định 219/2025/NĐ-CP về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam.

Dưới đây là những thay đổi đáng lưu ý đối với người sử dụng lao động:

1. Bổ sung xử phạt đối với vi phạm về đăng ký và điều chỉnh thông tin lao động

Nghị định 283 bổ sung các mức xử phạt cụ thể đối với hành vi không tuân thủ nghĩa vụ đăng ký và điều chỉnh thông tin đăng ký lao động.

Theo Nghị định 283, người sử dụng lao động có thể bị xử phạt nếu không đăng ký hoặc không điều chỉnh thông tin đăng ký lao động của người lao động khi nộp hồ sơ đăng ký hoặc điều chỉnh việc tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động.

2. Cơ cấu lại các hành vi vi phạm về bảo hiểm xã hội, phân biệt "chậm đóng" và "trốn đóng"

Một trong những thay đổi đáng chú ý nhất đối với người sử dụng lao động là việc cơ cấu lại chế tài xử phạt về bảo hiểm xã hội nhằm phản ánh sự phân biệt giữa "chậm đóng" và "trốn đóng" theo Luật Bảo hiểm xã hội 2024.

- (i) **Đối với hành vi chậm đóng:** Nghị định 283 duy trì mức phạt theo tỷ lệ 12% - 15% số tiền chậm đóng, tối đa 75 triệu đồng đối với các hành vi vi phạm tương ứng. Đồng thời, Nghị định

283 quy định các hành vi vi phạm cụ thể hơn để phân biệt giữa hành vi thuộc trường hợp chậm đóng và hành vi thuộc trường hợp trốn đóng.

(ii) **Đối với hành vi trốn đóng:** Nghị định 283 bổ sung quy định riêng về xử phạt hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc tương ứng với định nghĩa “trốn đóng” theo Luật Bảo hiểm Xã hội 2024. Theo đó, người sử dụng lao động có thể bị xử phạt nếu:

- Đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp hơn mức quy định; hoặc
- Không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký bảo hiểm xã hội bắt buộc sau 60 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn đóng theo quy định và sau khi đã được cơ quan có thẩm quyền đơn đốc thực hiện nghĩa vụ, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự.

3. Bổ sung và sửa đổi chế tài đối với các quy định về người lao động nước ngoài

Các quy định về người lao động nước ngoài được sửa đổi đáng kể nhằm đồng bộ cơ chế xử phạt theo Nghị định 219/2025/NĐ-CP về người lao động nước ngoài làm việc tại Việt Nam. So với Nghị định 12, Nghị định 283 bổ sung một số hành vi vi phạm hành chính và điều chỉnh mức phạt đối với một số hành vi.

(i) **Bổ sung nhóm các hành vi vi phạm nghĩa vụ thông báo**

Nghị định 283 bổ sung chế tài đối với người sử dụng lao động không thực hiện thông báo, thông báo không đúng thời hạn hoặc thông báo không đầy đủ nội dung theo quy định trong một số trường hợp, bao gồm:

- Người lao động nước ngoài thuộc trường hợp không phải làm thủ tục cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động;
- Người lao động nước ngoài đã được cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho cùng một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; hoặc
- Người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho cùng một người sử dụng lao động tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

(ii) **Bổ sung chế tài đối với hành vi không thu hồi, thu hồi không đúng thời hạn, hoặc không nộp lại giấy phép lao động**

Nghị định 219/2025/NĐ-CP quy định người sử dụng lao động phải thu hồi giấy phép lao động trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày giấy phép lao động hết hiệu lực và nộp lại cho cơ quan có thẩm quyền đã cấp, kèm theo văn bản báo cáo về trường hợp thu hồi. Tuy nhiên, Nghị định 12 chưa quy định chế tài xử phạt hành chính riêng đối với hành vi không tuân thủ nghĩa vụ này. Nghị định 283 đã quy định rõ đây là một hành vi vi phạm hành chính và áp dụng chế tài xử phạt tương ứng.

Quy định mới nhấn mạnh nghĩa vụ tuân thủ của người sử dụng lao động trong giai đoạn sau khi chấm dứt quan hệ lao động hoặc khi giấy phép lao động hết hiệu lực, đồng thời yêu cầu doanh nghiệp kiểm soát chặt chẽ quy trình thu hồi và nộp lại giấy phép lao động.

(iii) **Bổ sung chế tài đối với hành vi gian lận, giả mạo hồ sơ**

Nghị định 283 bổ sung chế tài cụ thể đối với hành vi sửa chữa, làm sai lệch giấy tờ, tài liệu hoặc sử dụng giấy tờ, tài liệu giả trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động. Trước đây tại Nghị định 12, hành vi này chưa được quy định thành một chế tài riêng tương ứng.

4. Kéo dài thời hiệu xử phạt đối với vi phạm liên quan đến đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

Nghị định 283 kéo dài thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính đối với các vi phạm liên quan đến người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, từ **01 năm lên 02 năm**.

Thời hiệu 01 năm đối với các vi phạm trong lĩnh vực lao động và bảo hiểm xã hội được giữ nguyên.

Thay đổi này chủ yếu ảnh hưởng đến các doanh nghiệp và tổ chức dịch vụ đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, để cơ quan có thẩm quyền có thêm thời gian để xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực này.

5. Chuyển hồ sơ xử lý hình sự đối với hành vi có dấu hiệu tội phạm

Nghị định 283 cũng làm rõ rằng, khi hành vi vi phạm đang được xem xét có dấu hiệu tội phạm, người có thẩm quyền xử lý phải chuyển hồ sơ vụ việc cho cơ quan có thẩm quyền để tiến hành tố tụng hình sự theo quy định của pháp luật. Quy định này nhấn mạnh sự phân biệt giữa vi phạm hành chính và hành vi có thể phát sinh trách nhiệm hình sự.

Một số hành vi liên quan bao gồm:

- (i) Giả mạo tài liệu, sử dụng giấy tờ, tài liệu giả mạo trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại hoặc gia hạn giấy phép lao động hoặc xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động;
- (ii) Xâm phạm danh dự, uy tín hoặc nhân phẩm của người lao động khi xử lý kỷ luật lao động;
- (iii) Tái phạm hành vi trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc và bảo hiểm thất nghiệp; và
- (iv) Mua bán, trao đổi, chiếm đoạt trái phép thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về người lao động và thông tin về thị trường lao động chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố hoặc phổ biến.

Một số thay đổi đáng chú ý

STT	Hành vi vi phạm	Nghị định 12	Nghị định 283
1	Mua bán, trao đổi, chiếm đoạt trái phép thông tin, dữ liệu trong cơ sở dữ liệu về người lao động và thông tin về thị trường lao động chưa được cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền công bố, phổ biến mà không bị truy cứu trách nhiệm hình sự.	Không có quy định tương tự	50.000.000 VND – 70.000.000 VND (Điều 10.4)

STT	Hành vi vi phạm	Nghị định 12	Nghị định 283
2	Không thực hiện đăng ký, điều chỉnh thông tin đăng ký lao động cho người lao động khi nộp hồ sơ đăng ký, điều chỉnh thông tin tham gia bảo hiểm xã hội	Không có quy định tương tự	Tối đa 20.000.000 VND, tùy theo số lượng người lao động bị vi phạm (<i>Điều. 12.2</i>)
3	Đăng ký tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc thấp hơn quy định, hoặc không đóng hoặc đóng không đầy đủ số tiền đã đăng ký bảo hiểm xã hội bắt buộc sau 60 ngày kể từ ngày cuối cùng của thời hạn đóng theo quy định	12% đến 15% tổng số tiền chậm đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng tối đa không quá 75.000.000 VND (<i>Điều 39.5</i>)	18% đến 20% tổng số tiền trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng tối đa không quá 75.000.000 VND (<i>Điều 44.2</i>)
4	Trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc	50.000.000 VND – 75.000.000 VND (<i>Điều 39.7(a)</i>)	18% đến 20% tổng số tiền trốn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc nhưng tối đa không quá 75.000.000 VND (<i>Điều 44.2</i>)
5	Không thông báo hoặc thông báo không đúng thời hạn hoặc thông báo không đầy đủ nội dung theo quy định đối với trường hợp người lao động nước ngoài không phải làm thủ tục cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động, người lao động nước ngoài đã được cấp giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động đó tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, hoặc người lao động nước ngoài đã được cấp giấy phép lao động có nhu cầu làm việc cho người sử dụng lao động đó tại nhiều tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương	Không có quy định tương tự	1.000.000 VND – 3.000.000 VND (<i>Điều 13.1</i>)

STT	Hành vi vi phạm	Nghị định 12	Nghị định 283
6	Sử dụng người lao động nước ngoài làm việc không đúng với nội dung ghi trên giấy phép lao động hoặc giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động	Không có quy định tương tự	5.000.000 VND – 10.000.000 VND khi vi phạm với mỗi người lao động (Điều 13.2(a))
7	Không thu hồi hoặc thu hồi không đúng thời hạn giấy phép lao động để nộp lại cơ quan có thẩm quyền đã cấp giấy phép lao động kèm theo văn bản báo cáo trường hợp thu hồi	Không có quy định tương tự	5.000.000 VND – 10.000.000 VND khi vi phạm với mỗi người lao động (Điều 13.2(b))
8	Sửa chữa, làm sai lệch, sử dụng văn bản, tài liệu trong hồ sơ đề nghị cấp, cấp lại, gia hạn giấy phép lao động, giấy xác nhận không thuộc diện cấp giấy phép lao động đối với người lao động nước ngoài nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự	Không có quy định tương tự	40.000.000 VND – 60.000.000 VND (Điều 13.4)

Lưu ý: Các mức phạt liệt kê trên đây được đưa ra nhằm mục đích tham khảo chung và không phân biệt mức phạt áp dụng đối với cá nhân và tổ chức. Theo Nghị định 283, mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần mức phạt áp dụng đối với cá nhân, tùy thuộc quy định cụ thể của từng hành vi tại Nghị định.

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Bản Tin Pháp Lý này nhằm mục đích cung cấp thông tin cập nhật về pháp luật và chỉ mang tính chất tham khảo. Nội dung trong bản tin không nên được sử dụng hoặc hiểu là lời khuyên pháp lý cho mục đích kinh doanh. LNT & Partners không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ việc sử dụng hoặc áp dụng thông tin nào trong bản tin cho mục đích kinh doanh. Để được làm rõ hoặc nhận tư vấn pháp lý cụ thể từ Bản Tin Pháp Lý này, vui lòng liên hệ Luật sư của chúng tôi: Luật sư **Lê Kim Ngân** qua email kimngan.le@LNTpartners.com.

LIÊN HỆ

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ với các Luật sư Thành viên của chúng tôi:



Ông Bùi Ngọc Hồng

Sáp nhập & Mua lại, Đầu tư nước ngoài, Tuân thủ Pháp luật, Lao động, Giải quyết tranh chấp

Hong.Bui@LNTpartners.com



Ông Trần Thái Bình

Quản trị doanh nghiệp, Lao động, Đầu tư nước ngoài, Giải quyết tranh chấp, Bất động sản, Sáp nhập & Mua lại, Thuế

Binh.Tran@LNTpartners.com



Bà Hoàng Nguyễn Hạ Quyên

Sáp nhập & Mua lại, Tuân thủ Pháp luật, Lao động, Phá sản & Tái cấu trúc

Quyên.Hoang@LNTpartners.com



Ông Lê Nết

Tài chính & Ngân hàng, Bất động sản, Giải quyết tranh chấp, Sáp nhập & Mua lại, Thuế

Net.Le@LNTpartners.com



Ông Nguyễn Anh Tuấn

Chống độc quyền/Cạnh tranh, Sáp nhập & Mua lại, Lao động, Tuân thủ Pháp luật, Đầu tư nước ngoài

Tuan.Nguyen@LNTpartners.com



Ông Nguyễn Xuân Thủy

Sáp nhập & Mua lại, Đầu tư nước ngoài, Lao động, Thuế

Thuy.Nguyen@LNTpartners.com



Bà Vũ Thanh Minh

Thuế, Đầu tư nước ngoài, Tài chính & Ngân hàng, Quản trị doanh nghiệp, Sáp nhập & Mua lại

Minh.Vu@LNTpartners.com



Ông Nguyễn Công Phú

Giải quyết tranh chấp

Phu.Nguyen@LNTpartners.com



Bà Lương Trung Vân Nhi

Giải quyết tranh chấp, Lao động

VanNhi.Luong@LNTpartners.com



Bà Nguyễn Thị Điệp

Giải quyết tranh chấp, Tài chính & Ngân hàng, Lao động, Thuế, Sở hữu trí tuệ, Tuân thủ Pháp luật

Diep.Nguyen@LNTpartners.com



Ông Ngô Thanh Hải

Tài chính & Ngân hàng, Quản trị doanh nghiệp, Giải quyết tranh chấp, Bất động sản

Hai.Ngo@LNTpartners.com



Bà Vũ Thị Thịnh

Đầu Tư Nước Ngoài, Sáp nhập & Mua lại, Tuân Thủ Pháp Luật, Giải quyết tranh chấp, Cơ sở hạ tầng, Năng Lượng & Tài Nguyên

ThiThinh.Vu@LNTpartners.com

Để biết thêm thông tin, vui lòng liên hệ:

Tp. Hồ Chí Minh (trụ sở chính)

Tầng 12A, Tòa tháp Saigon Marina IFC, Số 2 Tôn Đức Thắng, Phường Sài Gòn

+84 28 3821 2357

Hà Nội

Tầng 12, Tòa nhà Pacific Place, 83B Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam

+84 24 3824 8522

Về chúng tôi

LNT & PARTNERS ("LNT") là một công ty luật độc lập tại Việt Nam, cung cấp dịch vụ pháp lý toàn diện với thế mạnh trong các lĩnh vực doanh nghiệp và M&A, cạnh tranh, được phẩm, bất động sản, hạ tầng, tài chính, cũng như các vụ tranh tụng và trọng tài phức tạp. Chúng tôi tự hào là một trong những hãng luật hàng đầu tại Việt Nam, đồng hành cùng nhiều khách hàng trong nước và quốc tế, bao gồm các tập đoàn thuộc danh sách Fortune Global 500 và nhiều công ty niêm yết uy tín tại Việt Nam. Nếu bạn cần thêm thông tin liên quan đến bất kỳ bản tin pháp lý nào, đừng ngần ngại liên hệ trực tiếp với các tác giả.

*Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm: Bản tin này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo. Nội dung không được xem là tư vấn pháp lý chính thức và không thay thế cho ý kiến pháp lý trong từng trường hợp cụ thể. Để được tư vấn chi tiết, vui lòng liên hệ các Luật sư Thành viên của chúng tôi.